

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 7
Báo cáo Soát xét Thông tin tài chính giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	10 – 12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	15 – 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 19/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 363/LĐT BXH-GP ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 19/12/2016 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 19/05/2017 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường; Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất, đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị (Chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).
- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Giấy phép số: 278/LĐT BXH-GP ngày 13/07/2011).
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất); Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Bán buôn gạo.
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đ. Lê Đức Thọ, Ph. Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Đại lý du lịch.
- Điều hành tour du lịch.
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề.
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- Lắp đặt hệ thống điện: Thi công lắp đặt hệ thống điện trong công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Thi công lắp đặt hệ thống cơ trong công trình xây dựng.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội ngoại thất công trình.
- Xây dựng nhà các loại.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:
 - + Thang máy, cầu thang tự động,
 - + Các loại cửa tự động,
 - + Hệ thống đèn chiếu sáng,
 - + Hệ thống hút bụi,
 - + Hệ thống âm thanh,
 - + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các tòa nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê nhân trực có người điều khiển.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đ. Lê Đức Thọ, Ph. Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty: 423.583.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tương đương 42.358.360 CP. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 là: 1.175.583.600.000 đồng (Một nghìn một trăm bảy mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Theo giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh, mã số 00001 cấp ngày 25/08/2015 thì địa điểm kinh doanh của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Geleximco, 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

	Tên chi nhánh	Địa chỉ
-	Chi nhánh Đào tạo và XKLD Hanic Hà Nội – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Số 16, OBT4 Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội
-	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Số 2, Khu Bắc Hà, phố Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh
-	Chi nhánh - Đào tạo và cung ứng Nhân lực Quốc tế - Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp mã số cho chi nhánh số 0102287094-009 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2016)	Số nhà 17, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Vũ Văn Hậu	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Đinh Hồng Long	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm, ngày 07/05/2017
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT	
Ông Vũ Phúc Thọ	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm, ngày 07/05/2017
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm, ngày 07/05/2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Bà Nguyễn Thanh Hằng	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Hải Nga	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 07/05/2017
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 07/05/2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc – Đại diện theo Pháp luật	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 01/06/2017
Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Lương Thành Trung	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đ. Lê Đức Thọ, Ph. Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số 26/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội được lập ngày 14/08/2017, từ trang 10 đến trang 46, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2017-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		251.008.069	302.144.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	251.008.069	302.144.431
- Nguyên giá	222		499.457.995	499.457.995
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(248.449.926)	(197.313.564)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		775.633.773.053	776.642.173.053
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6a	754.000.000.000	754.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.6c	30.071.826.370	30.471.826.370
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(8.438.053.317)	(7.829.653.317)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		303.637.583	380.176.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	303.637.583	380.176.175
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.823.767.405.616	1.387.508.808.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

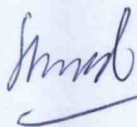
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		577.837.052.911	154.442.381.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.348.458.482	2.710.847.923
1. Tiền	111		40.348.458.482	2.710.847.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.200.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6b	11.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		484.810.395.316	135.108.388.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	461.115.415.664	107.791.133.334
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.929.901	62.429.901
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		3.035.000	2.035.000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	236.025.000.000	236.025.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4a	39.639.517.289	39.903.144.989
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(251.986.502.538)	(248.675.354.838)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	40.566.537.266	16.367.747.252
1. Hàng tồn kho	141		40.566.537.266	16.367.747.252
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		911.661.847	255.397.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		911.661.847	255.397.486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.245.930.352.705	1.233.066.427.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		469.741.934.000	455.741.934.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	476.278.934.000	462.278.934.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.5b	(6.537.000.000)	(6.537.000.000)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		552.549.055.307	127.055.073.943
I. Nợ ngắn hạn	310		552.449.055.307	126.955.073.943
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	473.793.608.559	41.662.336.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.207.483.901	586.877.769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	12.210.584.280	26.186.165.225
4. Phải trả người lao động	314		124.477.684	124.477.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	31.282.127.785	31.522.872.225
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	19.442.998.900	19.484.570.800
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	3.736.533.080	3.736.533.080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.651.241.118	3.651.241.118
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	100.000.000	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.271.218.350.309	1.260.453.734.763
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.271.218.350.309	1.260.453.734.763
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.175.583.600.000	1.175.583.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.144.011.841	62.379.396.295
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.823.767.405.616	1.387.508.808.706

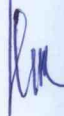
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

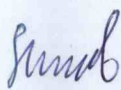
BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	549.903.119.443	256.886.501.483
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		549.903.119.443	256.886.501.483
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	527.091.299.377	224.841.209.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.811.820.066	32.045.291.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.821.874	134.904.379
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	708.660.000	(2.279.701.704)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	321.873.894
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7a	4.370.962.396	5.046.390.358
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7b	5.252.755.255	(1.543.413.929)
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		12.539.264.289	30.956.921.493
11. Thu nhập khác	31	VI.5	916.505.143	270.910.363
12. Chi phí khác	32	VI.6	-	593.345.524
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		916.505.143	(322.435.161)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.455.769.432	30.634.486.332
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.691.153.886	5.392.727.849
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		<u>10.764.615.546</u>	<u>25.241.758.483</u>

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lương Thành Trung

Trưởng Giám đốc



Lưu Quang Minh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp
 Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		13.455.769.432	30.634.486.332
2. Điều chỉnh cho các khoản	01	4.038.148.688	(5.849.636.656)
+ Khấu hao tài sản cố định	02	51.136.362	51.136.362
+ Các khoản dự phòng	03	3.919.547.700	(6.197.640.413)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	67.464.626	(25.006.499)
+ Chi phí lãi vay	06	-	321.873.894
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.493.918.120	24.784.849.676
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(367.669.418.991)	(34.278.923.038)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(24.198.790.014)	
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	435.043.571.918	26.967.854.200
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	76.538.592	(9.776.335)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(11.000.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(240.744.440)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.000.000.000)	(6.118.479.229)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		48.505.075.185	345.525.274
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.200.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		2.523.702.301
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	320.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.535.374	25.006.499
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(10.867.464.626)	2.548.708.800
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(675.119.211)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	(675.119.211)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	37.637.610.559	2.219.114.863
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.710.847.923	4.980.935.941
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.348.458.482	7.200.050.804

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Lương Thành Trung

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 19/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 363/LĐT BXH-GP ngày 07/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà FLC LANDMARK TOWER đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo giấy chứng nhận đăng ký Địa điểm kinh doanh, mã số 00001 cấp ngày 25/08/2015 thì địa điểm kinh doanh của Công ty tại: Tầng 6, tòa nhà Geleximco, 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh của Công ty: 423.583.600.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tương đương 42.358.360 CP. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 là: 1.175.583.600.000 đồng (Một nghìn một trăm bảy mươi lăm tỷ năm trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tương đương 117.558.360 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới đã tăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ Xuất khẩu lao động và các dịch vụ khác.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 19/12/2016 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 19/05/2017 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường; Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất, đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị (Chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký).

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Giấy phép số: 278/LĐT BXH-GP ngày 13/07/2011).
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất); Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Bán buôn gạo.
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ nội thất bằng gốm.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Đại lý du lịch.
- Điều hành tour du lịch.
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề.
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- Lắp đặt hệ thống điện: Thi công lắp đặt hệ thống điện trong công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Thi công lắp đặt hệ thống cơ trong công trình xây dựng.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội ngoại thất công trình.
- Xây dựng nhà các loại.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

- + Thang máy, cầu thang tự động,
- + Các loại cửa tự động,
- + Hệ thống đèn chiếu sáng,
- + Hệ thống hút bụi,
- + Hệ thống âm thanh,
- + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các tòa nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc

giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo Thông tư số 45/2013/BTC ngày 25/04/2013 và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính.

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 6 – 10 năm |

4.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay tổng hợp phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

4.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán

4.15. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi

được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu bán bất động sản

- Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền

nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

4.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,

khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.
Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày

30/06/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	879.190.683	435.793.469
- Tiền gửi ngân hàng:	39.469.267.799	2.275.054.454
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	39.316.823.278	2.200.649.467
<i>Các Ngân hàng khác</i>	152.444.521	74.404.987
	40.348.458.482	2.710.847.923

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Giang	158.444.237.190			
Granins and Industrial Products Trading PTE LTD	229.321.379.365			
Tập đoàn Geleximco - CTCP	30.474.637.484		44.474.637.484	
Công ty CP Confitech Tân Đạt	2.638.678.746		13.518.258.732	
Công ty CP Nam Hoàng Việt			11.698.309.392	
Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp Việt Nam - CTCP	14.447.414.619		11.708.058.186	
Các khoản phải thu khách hàng khác	25.789.068.260	7.671.185.764	26.391.869.540	7.671.185.764
Cộng	461.115.415.664	7.671.185.764	107.791.133.334	7.671.185.764

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty liên quan	37.554.637.484	53.054.637.484
- Công ty CP Ngôi Sao An Bình	7.080.000.000	8.580.000.000
<i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Chủ tịch HĐQT SHN có quan hệ gia đình với chủ tịch HĐQT công ty CP Ngôi sao An Bình. Tại thời điểm 07/05/2017 Công ty CP Ngôi sao An Bình không còn là bên liên quan)</i>		
- Tập đoàn Geleximco - CTCP	30.474.637.484	44.474.637.484
<i>(Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Geleximco - CTCP. Tại thời điểm 07/05/2017 Tập đoàn Geleximco - CTCP không còn là bên liên quan)</i>		
Công ty con	4.035.853.607	4.035.853.607
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa VN	4.035.853.607	4.035.853.607

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Diễn giải	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyễn Anh Quân (*)	235.700.000.000	235.700.000.000	235.700.000.000	235.700.000.000
Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000	325.000.000	325.000.000
Dự án CT 1 - The Pride				
Các đối tượng khác		-		-
Cộng	236.025.000.000	236.025.000.000	236.025.000.000	236.025.000.000

(*): Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Đến ngày 30/06/2017 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã vào ngày 24-12-2011. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	39.639.517.289	8.290.316.774	39.903.144.989	4.979.169.074
- Tạm ứng (1)	30.688.310.015		30.952.027.715	
+ Lê Song Hà	14.375.003.000		14.375.003.000	
+ Nguyễn Trung Kiên	12.842.091.715		12.953.730.000	
+ Nguyễn Thanh Tùng	2.095.685.000		2.095.685.000	
+ Khác	1.375.530.300		1.527.609.715	
- Phải thu khác	8.951.207.274	8.290.316.774	8.951.117.274	4.979.169.074
+ Công ty CP An Sinh (2)	6.561.147.700	6.561.147.700	6.561.147.700	3.250.000.000
+ Lương Thị Ninh	928.470.000	928.470.000	928.470.000	928.470.000
+ Phải thu khác	1.461.589.574	800.699.074	1.461.499.574	800.699.074
b. Dài hạn	476.278.934.000	6.537.000.000	462.278.934.000	6.537.000.000
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	29.000.000.000		29.000.000.000	
+ Ký quỹ Xuất khẩu LĐ	1.000.000.000		1.000.000.000	
+ Ký quỹ thuê diện tích thương mại (3)	28.000.000.000		28.000.000.000	
- Phải thu khác dài hạn	447.278.934.000	6.537.000.000	433.278.934.000	6.537.000.000
+ Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diêm Thủy) (4)	6.537.000.000	6.537.000.000	6.537.000.000	6.537.000.000
+ CN Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình (Dự án Sân Golf Hòa Bình - Geleximco) (5)	103.069.000.000		103.069.000.000	
+ Tập đoàn Geleximco - CTCP (Dự án Gemek Tower) (6)	177.363.000.000		177.363.000.000	
+ CN Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh (Dự án chung cư New Life Tower) (7)	90.005.000.000		90.005.000.000	
+ Tập đoàn Geleximco - CTCP (Dự án An Bình City) (8)	67.985.000.000		53.985.000.000	
+ Khác	2.319.934.000		2.319.934.000	

(1): Số dư nợ tạm ứng đến ngày 30/06/2017 của các cá nhân: Lê Song Hà, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thanh Tùng, Phạm Thị Hà Thương là các khoản tạm ứng để phục vụ hoạt động triển khai các dự án, các cá nhân chưa làm thủ tục hoàn ứng.

(2): Đây là khoản số tiền thoái vốn đầu tư tại Trạm thu phí Hoàng Mai theo biên bản thoái vốn ngày 22/05/2012 với Công ty Cổ phần An Sinh. Theo Biên bản thoái vốn này, Công ty CP An Sinh cam kết trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký biên bản, Công ty CP An Sinh sẽ thanh toán hết cho Hanic.

Tại ngày 12 tháng 11 năm 2015, Công ty cổ phần An Sinh và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã ký Biên bản làm việc. Theo đó, Công ty CP An Sinh thỏa thuận thanh toán cho Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội theo tiến độ như sau: Quý III/2016: thanh toán 3.250.000.000 đồng; Quý I/2017 thanh toán: 3.311.147.700 đồng.

(3): Đây là tiền đặt cọc cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình để thuê diện tích thương mại Khu nhà ở cao tầng CT2 thuộc Khu đô thị thành phố Giao Lưu theo hợp đồng thuê diện tích thương mại số 02/2015/Abland-SHN ngày 29 tháng 6 năm 2015.

(4): Dự án Đầm Thụy: Đây là khoản tiền mà Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Đầm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.

(5): Dự án Sân Golf Hòa Bình - Geleximco: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 306/2015/HTGV/GELE - SHN ngày 23 tháng 6 năm 2015 giữa Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội. Theo Hợp đồng, hai bên hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác Dự án sân Golf Hòa Bình - Geleximco do Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - Chi nhánh Hòa Bình làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô sử dụng đất 263,4 ha tại xã Dân Hạ và thị trấn Kỳ Sơn - huyện Kỳ Sơn và xã Trung Minh - thành phố Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình.

Theo hợp đồng, Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - chi nhánh Hòa Bình góp bằng giá trị Quyền đầu tư, quyền sử dụng đất và vốn góp khác để đảm bảo triển khai dự án đúng tiến độ; Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội góp 26.000.000.000 đồng.

- Đến ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội đã góp vốn vào Dự án sân Golf Hòa Bình - Geleximco do Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - Chi nhánh Hòa Bình làm chủ đầu tư là 103.069.000.000 đồng.

Thông tin với bên liên quan:

Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - Ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Geleximco - CTCP. Ngày 07/05/2017 Ông Vũ Văn Hậu không còn là Thành viên HĐQT SHN.

(6): Dự án Gemek Tower: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác số 04/2015/HTGV/GELE - SHN ngày 17 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (nay đổi tên là Tập đoàn Geleximco - CTCP) và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án đầu tư xây dựng công trình Gemek Tower II do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất là: 6.936m², diện tích sàn xây dựng là: 105.709m² với tổng mức đầu tư là: 1.020.207.770.000 đồng. Lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Khoản đầu tư này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 18/NQ - HĐQT/2015 ngày 16 tháng 11 năm 2015 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nêu trong Nghị quyết số 01/NQ - ĐHĐCĐ/2015 ngày 26 tháng 06 năm 2015. Đến ngày 30/06/2017, Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tham gia dự án với tổng vốn góp là: 177.363.000.000 đồng.

Thông tin với bên liên quan:

Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn Geleximco - CTCP và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Geleximco - CTCP. Ngày 07/05/2017 Ông Vũ Văn Hậu không còn là Thành viên HĐQT SHN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(7): Dự án chung cư New Life Tower: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác số 08/2016/HTGV/GELEQN-SHN ngày 12/08/2016 giữa Chi nhánh Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh và Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án khu chung cư cao tầng Cái Dăm (New Life Tower) do CN Công ty XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất: 11.392,2 m², diện tích sàn xây dựng: 106.347,4 m² với tổng mức đầu tư là 1.004.590.000.000 đồng. Lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tham gia dự án với tổng vốn góp là: 100.000.000.000 đồng. Khoản đầu tư này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 12/NQ - HĐQT/2016 ngày 12 tháng 08 năm 2016

Thông tin với bên liên quan:

Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - ông Vũ Văn Hậu đồng thời là Giám đốc của Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Quảng Ninh và có quan hệ gia đình với Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Geleximco - CTCP. Ngày 07/05/2017 Ông Vũ Văn Hậu không còn là Thành viên HĐQT SHN.

(8): Dự án An Bình City: Dự án thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/GELE-SHN/2016 ngày 26/10/2016 giữa Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (nay đổi tên là Tập đoàn Geleximco - CTCP) và Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội. Theo hợp đồng, hai bên hợp tác góp vốn cùng xây dựng và kinh doanh, khai thác Dự án Nhà ở cao tầng - Khu Đô thị Thành phố Giao lưu (An Bình City) do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư. Dự án có quy mô diện tích đất quy hoạch 44.324 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 356.520 m². Tổng mức đầu tư (dự kiến) là 4.836.765.973.000 đồng. Giá trị hợp tác là 100 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 2,07% tổng giá trị đầu tư dự án), lợi nhuận mỗi bên được hưởng tương ứng với phần vốn thực góp của mỗi bên. Đến 30/06/2017, Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội đã góp vào dự án A339 số tiền là 67.985.000.000 đồng.

Thông tin với bên liên quan:

Tại thời điểm phát sinh giao dịch, Chủ tịch HĐQT SHN - ông Đào Mạnh Kháng đồng thời là Phó TGD Tập đoàn Geleximco - CTCP. Ngày 07/05/2017 ông Đào Mạnh Kháng không còn là chủ tịch HĐQT SHN.

5. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	258.523.502.538	-	255.212.354.838	-
Chi tiết				
Công ty TNHH MTV XD công trình GT 892	2.282.578.971	-	2.282.578.971	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng hóa VN Nguyễn Anh Quân	4.035.853.607	-	4.035.853.607	-
Trần Tiến Thành	235.700.000.000	-	235.700.000.000	-
Trần Tiến Thành	499.167.000	-	499.167.000	-
Công ty CP Cơ điện Công trình	120.225.000	-	120.225.000	-
Công ty Cổ phần An Sinh	6.561.147.700	-	3.250.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Kim Giang	6.537.000.000	-	6.537.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.787.530.260	-	2.787.530.260	-
Cộng	258.523.502.538	-	255.212.354.838	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
a. Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	752.000.000.000		752.000.000.000	752.000.000.000
Cộng	754.000.000.000	2.000.000.000	752.000.000.000	754.000.000.000
				752.000.000.000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ thương mại
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	Tầng 8 – Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.	75,20%	75,20%	Môi giới thương mại; Ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ đấu giá hàng hóa; Dịch vụ đấu giá hàng hóa; Dịch vụ môi giới bất động sản; Kinh doanh bất động sản...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
6b. Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-	-	-
6c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.071.826.370	23.633.773.053	6.438.053.317	30.471.826.370	24.642.173.053	5.829.653.317
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.490.500.000	16.720.792.683	2.769.707.317	19.890.500.000	17.729.192.683	2.161.307.317
+ Công ty CP Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000
+ Công ty CP ĐT Tài chính Findex	1.776.000.000	1.714.692.683	61.307.317	1.776.000.000	1.714.692.683	61.307.317
+ Công ty CP PT Hạ tầng HN	3.042.000.000	2.433.600.000	608.400.000	3.442.000.000	3.442.000.000	-
+ Công ty CP Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	1.572.500.000	-	1.572.500.000	1.572.500.000	-
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-
- Đầu tư khác	10.581.326.370	6.912.980.370	-	10.581.326.370	6.912.980.370	-
+ Dự án Tây Mỗ	6.912.980.370	6.912.980.370	-	6.912.980.370	6.912.980.370	-
+ Dự án Mỹ Đình	3.668.346.000	-	3.668.346.000	3.668.346.000	-	3.668.346.000
Cộng	30.071.826.370	23.633.773.053	6.438.053.317	30.471.826.370	24.642.173.053	5.829.653.317

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Số đầu năm	7.829.653.317	8.259.212.239
- Trích lập dự phòng	608.400.000	-
- Hoàn nhập dự phòng	-	2.722.087.346
- Số cuối kỳ	8.438.053.317	5.537.124.893

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	40.566.537.266		16.367.747.252	
Cộng	40.566.537.266	-	16.367.747.252	-

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	409.090.909	90.367.086	499.457.995
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	409.090.909	90.367.086	499.457.995
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	106.946.478	90.367.086	197.313.564
Số tăng trong kỳ	51.136.362	-	51.136.362
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	51.136.362		51.136.362
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	158.082.840	90.367.086	248.449.926
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	302.144.431	-	302.144.431
Tại ngày cuối kỳ	251.008.069	-	251.008.069

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐHH dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2017: 0 VND

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	303.637.583	380.176.175
<i>Chi phí sửa chữa văn phòng</i>	58.420.911	85.384.417
<i>Thuê văn phòng</i>	72.775.000	
<i>Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ</i>	172.441.672	294.791.758
Cộng	303.637.583	380.176.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND			
a. Phải trả người bán ngắn hạn	473.793.608.559	473.793.608.559	41.662.336.042	9.917.751.146
- Công ty CP Tập đoàn Tân Long	158.412.605.280	158.412.605.280	-	-
- Universal Nercantile and Trading DMCC	227.749.999.398	227.749.999.398	-	-
- Công ty CP Thép và vật tư xây dựng	-	-	16.514.427.930	16.514.427.930
- Công ty CP Đầu tư XD và Thương mại Hoàng Đạo	-	-	20.657.044.815	20.657.044.815
- Phải trả người bán khác	87.631.003.881	87.631.003.881	4.490.863.297	4.490.863.297
Cộng	473.793.608.559	473.793.608.559	41.662.336.042	41.662.336.042
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	2.089.128.704	2.089.128.704	1.565.771.148	1.565.771.148
- Tập đoàn Geleximco - CTCP	2.089.128.704	2.089.128.704	1.565.771.148	1.565.771.148

Mối quan hệ: Tại thời điểm phát sinh giao dịch, ông Đào Mạnh Kháng - Chủ tịch HĐQT SHN đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Geleximco - CTCP. Ngày 07/05/2017 ông Đào Mạnh Kháng không còn là Chủ tịch HĐQT SHN.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ/Điều chỉnh khác	Số dư cuối kỳ
	(a)	(b)	(c)	(d)	e=(a)+(b)-(c)-(d)
Thuế GTGT phải nộp	3.988.333.266	14.891.291.833	4.881.878.266	13.997.746.833	-
Thuế TNDN	21.023.731.421	2.691.153.886	12.000.000.000	-	11.714.885.307
Thuế thu nhập cá nhân	5.055.868	51.505.823	44.161.032	-	12.400.659
Thuế khác	-	102.000.000	102.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.169.044.670	-	685.746.356	-	483.298.314
Cộng	26.186.165.225	17.735.951.542	17.713.785.654	13.997.746.833	12.210.584.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a. Ngắn hạn**

- Lãi vay phải trả

Cộng**Số cuối kỳ
VND****Số đầu năm
VND**

31.282.127.785

31.522.872.225

31.282.127.785

31.522.872.225

31.282.127.785**31.522.872.225****13. PHẢI TRẢ KHÁC****a. Ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn

- Phải trả, phải nộp khác

+ Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội

+ Dự án KĐT Thanh Hà A

+ Phải trả phải nộp khác (*)

+ Dự có phải thu khác

b. Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán**Cộng****Số cuối kỳ
VND****Số đầu năm
VND**

19.442.998.900

19.484.570.800

20.484.535

12.686.735

27.747.178

57.275.078

314.550

5.856.250

135.739

2.598.739

-

-

19.394.316.898

19.406.153.998

3.664.400.000

3.664.400.000

15.530.575.499

15.558.175.499

199.341.399

183.578.499

100.000.000**100.000.000**

100.000.000

100.000.000

-

-

19.542.998.900**19.584.570.800**

(*): Trong đó số dư phải trả 14.933.905.499 VND liên quan đến việc công ty nhận chuyển nhượng 12 cây tùng La Hán và bù lại đối tác sẽ được tham gia hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/Hanic ngày 10/11/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

14. Vay và nợ thuê tài chính

Đối tượng	Số đầu năm		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	3.736.533.080	3.736.533.080	-	-	3.736.533.080	3.736.533.080	
+ Vay cá nhân (*)	3.736.533.080	3.736.533.080			3.736.533.080	3.736.533.080	
Tổng cộng	3.736.533.080	3.736.533.080			3.736.533.080	3.736.533.080	

Tại ngày 30/06/2017, số vay ngắn hạn cá nhân là 3.736.533.080 đồng. Đây là các khoản vay các cá nhân để phục vụ các dự án chưa hoàn thành. Khoản vay này lãi suất là 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	385.917.600.000	16.350.914.364	6.139.824.104	5.362.094.468	413.770.432.936
- Tăng vốn năm trước	789.666.000.000				789.666.000.000
- Lãi trong năm trước				57.017.301.827	57.017.301.827
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	1.175.583.600.000	16.350.914.364	6.139.824.104	62.379.396.295	1.260.453.734.763
Số dư đầu năm nay	1.175.583.600.000	16.350.914.364	6.139.824.104	62.379.396.295	1.260.453.734.763
- Tăng vốn trong kỳ					-
- Lãi trong năm kỳ				10.764.615.546	10.764.615.546
- Tăng khác trong năm kỳ					-
Số dư cuối kỳ	1.175.583.600.000	16.350.914.364	6.139.824.104	73.144.011.841	1.271.218.350.309

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của cổ đông khác	1.175.583.600.000	1.175.583.600.000
Cộng	1.175.583.600.000	1.175.583.600.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.175.583.600.000	385.917.600.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		37.666.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.175.583.600.000	423.583.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.558.360	117.558.360
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.558.360	117.558.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.558.360	117.558.360
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.558.360	117.558.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	117.558.360	117.558.360
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	6.139.824.104	6.139.824.104
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	6.139.824.104	6.139.824.104

f. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại (USD)	1.421,44	48.695,09

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KINH DOANH

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	548.176.961.187	236.727.653.190
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.726.158.256	20.158.848.293
+ <i>Doanh thu Xuất khẩu lao động</i>	1.577.733.611	1.786.465.250
+ <i>Doanh thu môi giới bất động sản</i>	148.424.645	18.372.383.043
Cộng	549.903.119.443	256.886.501.483

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	527.091.299.377	224.841.209.644
Cộng	527.091.299.377	224.841.209.644
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.535.374	25.006.499
- Lãi chênh lệch tỷ giá	47.286.500	34.477.000
- Doanh thu tài chính khác		75.420.880
Cộng	59.821.874	134.904.379
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Lãi vay các tổ chức, cá nhân khác		321.873.894
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.260.000	20.117.000
- Trích lập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	608.400.000	
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		(2.722.084.012)
- Lỗ từ hoạt động đầu tư	80.000.000	100.391.414
Cộng	708.660.000	(2.279.701.704)
5. THU NHẬP KHÁC	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Lãi phát sinh từ nhiều năm trước khi đóng tài khoản ngân hàng		21.380.904
- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải trả		249.529.459
- Thu nhập khác	916.505.143	
Cộng	916.505.143	270.910.363
6. CHI PHÍ KHÁC	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Chi phí phạt hành chính		9.707.000
- Xử lý công nợ không xác định được đối tượng phải thu		74.968.524
- Phí tư vấn dự án The Pride phải trả khách hàng		508.670.000
Cộng	-	593.345.524

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

a, Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	134.029.293	177.760.433
- Chi phí nhân công	1.901.642.210	1.664.789.794
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.136.362	51.136.362
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	89.262.150	102.054.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.436.624.868	2.893.180.343
- Chi phí khác bằng tiền	699.875.068	2.089.611.717
- Trích lập dự phòng các khoản phải thu	3.311.147.700	(3.475.556.401)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	-	-
Cộng	9.623.717.651	3.502.976.429

Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	28.864.827	16.846.392
- Chi phí nhân công	936.473.634	643.872.492
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.836.139.286	2.487.649.118
- Chi phí khác bằng tiền	569.484.649	1.898.022.356
Cộng	4.370.962.396	5.046.390.358

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	105.164.466	160.914.041
- Chi phí nhân công	965.168.576	1.020.917.302
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.136.362	51.136.362
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	89.262.150	102.054.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.485.582	405.531.225
- Chi phí khác bằng tiền	130.390.419	191.589.361
- Trích lập dự phòng các khoản phải thu	3.311.147.700	(3.475.556.401)
Cộng	5.252.755.255	(1.543.413.929)

TỔNG CỘNG CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

9.623.717.651	3.502.976.429
----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.691.153.886	5.392.727.849
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.691.153.886	5.392.727.849
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	13.455.769.432	30.634.486.332
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh giảm	-	-
Điều chỉnh tăng	-	149.940.931
Tổng lợi nhuận chịu thuế	13.455.769.432	30.784.427.263
Lỗi lũy kế năm trước chuyển sang		(3.820.788.020)
Tổng lợi nhuận chịu thuế tính thuế năm hiện hành	13.455.769.432	26.963.639.243
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.691.153.886	5.392.727.849

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.348.458.482		2.710.847.923	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	977.033.866.953	(15.961.502.538)	609.973.212.323	(12.650.354.838)
Các khoản cho vay	236.025.000.000	(236.025.000.000)	236.025.000.000	(236.025.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	11.200.000.000		-	
Đầu tư góp vốn vào ĐV khác				
Cộng	1.264.607.325.435	(251.986.502.538)	848.709.060.246	(248.675.354.838)

Nợ phải trả tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	3.736.533.080	3.736.533.080
Phải trả người bán, phải trả khác	493.336.607.459	61.246.906.842
Chi phí phải trả	31.282.127.785	31.522.872.225
Cộng	528.355.268.324	96.506.312.147

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	năm VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.348.458.482			40.348.458.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	500.754.932.953	476.278.934.000		977.033.866.953
Các khoản cho vay	236.025.000.000			236.025.000.000
Đầu tư ngắn hạn	11.200.000.000			11.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào ĐV khác				-
Cộng	788.328.391.435	476.278.934.000	-	1.264.607.325.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 5 – Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.710.847.923			2.710.847.923
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.694.278.323	462.278.934.000		609.973.212.323
Các khoản cho vay	236.025.000.000			236.025.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư góp vốn vào ĐV khác				-
Cộng	386.430.126.246	462.278.934.000	-	848.709.060.246

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	3.736.533.080			3.736.533.080
Phải trả người bán, phải trả	493.236.607.459	100.000.000		493.336.607.459
Chi phí phải trả	31.282.127.785			31.282.127.785
Cộng	528.255.268.324	100.000.000	-	528.355.268.324
Số đầu năm				
Vay và nợ	3.736.533.080			3.736.533.080
Phải trả người bán, phải trả	61.146.906.842	100.000.000		61.246.906.842
Chi phí phải trả	31.522.872.225			31.522.872.225
Cộng	96.406.312.147	100.000.000	-	96.506.312.147

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Bán hàng hóa	Doanh thu môi giới BĐS	Doanh thu XKLB	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	548.176.961.187	148.424.645	1.577.733.611	549.903.119.443
Tổng doanh thu thuần	548.176.961.187	148.424.645	1.577.733.611	549.903.119.443
Chi phí bộ phận	527.091.299.377	-	-	527.091.299.377
Kết quả KD bộ phận	21.085.661.810	148.424.645	1.577.733.611	22.811.820.066
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				9.623.717.651
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.188.102.415
Doanh thu hoạt động tài chính				59.821.874
Chi phí tài chính				708.660.000
Thu nhập khác				916.505.143
Chi phí khác				-
Thuế TNDN hiện hành				2.691.153.886
Lợi nhuận sau thuế				10.764.615.546

Đơn vị tính: VND

X - GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	373.125.200	423.600.909

(Trong năm 2016, 2017 Công ty không thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS)

XI. SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.
- Các số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Lương Thành Trung

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Minh

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
TỔNG HỢP HÀ NỘI(SHN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số : *14*./CBTT-SHN/2017

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

(V/v: *Chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại
BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất bán niên năm 2017
đã soát xét so với cùng kỳ năm trước*)

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội.

Mã chứng khoán: SHN

Trụ sở: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Giải trình sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 tại BCTC tổng hợp bán niên năm 2017 và BCTC hợp nhất bán niên năm 2017 đã được kiểm toán soát xét như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế (VND)		Tăng, giảm	
	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Số tiền (VND)	(%)
BCTC tổng hợp	10.764.615.546	25.241.758.483	(14.477.142.937)	>(10%)
BCTC hợp nhất	13.392.317.696	24.283.190.484	(10.890.872.788)	>10%

Lợi nhuận sau thuế tại BCTC tổng hợp bán niên năm 2017 và BCTC hợp nhất bán niên năm 2017 đã kiểm toán soát xét giảm quá 10% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu là do:

- Mặc dù doanh thu bán hàng trong kỳ tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do Công ty đẩy mạnh hoạt động thương mại, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận của hoạt động này không cao. Mặt khác lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ bất động sản trong kỳ giảm.

- Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá tồn thất khoản đầu tư và dự phòng phải thu khó đòi do quá hạn thanh toán.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế tại BCTC tổng hợp bán niên năm 2017 và BCTC hợp nhất bán niên năm 2017 đã kiểm toán soát xét giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Quang Minh